

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HS-PT

Ngày: 03/01/2025

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 145/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Hoài N, Văn Công T1, Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 108/2024/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Nguyễn Thị Tú T, tên gọi khác: không có, sinh ngày 01/01/1990 tại Long An. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Bá H1, sinh năm 1945 (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950 (chết); bản thân có chồng tên Võ Trọng M, có 03 người con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Hoài N, tên gọi khác: không có, sinh ngày 24/8/1994 tại thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Số D, Ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1966 (sống) và bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1966 (sống); bản thân có vợ tên Vũ Thị Mỹ A (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/01/2024

đến ngày 25/01/2024 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Văn Công T1, tên gọi khác: không có, sinh ngày 01/01/1986 tại Long An. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Văn Công C, sinh năm 1967 (sống) và bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1970 (sống); bản thân có vợ tên Hà Tú N3, có 04 người con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Nguyễn Thị Ngọc H, tên gọi khác: không có, sinh ngày 29/11/1989 tại thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: Số D, Tổ C, Ấp D, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N4, sinh năm 1968 (sống) và bà Lê Thị Ngọc X, sinh năm 1971 (sống); bản thân có chồng tên Nguyễn Quốc V, có 02 người con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Nguyễn Thị Hồng N1, tên gọi khác: không có, sinh ngày 12/10/1993, tại Long An. Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1969 (sống) và bà Cao Thị N5, sinh năm 1968 (sống); bản thân có chồng tên Nguyễn Văn H2, có 01 con người con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thị Ngọc L2, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

- *Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:*

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Thị Kim X1.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trần Quốc B, Nguyễn Huỳnh H3, Nguyễn Minh X2, Nguyễn Minh T3, Nguyễn Thị Đ, Lê An K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 14 tháng 01 năm 2024, Nguyễn Thị Ngọc L2 thông qua người phụ nữ tên Ý, không xác định nhân thân, lai lịch biết được thông tin

Nguyễn Thị Kim X1 đang ở quán ăn B1 thuộc Khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Sau đó, L2 rủ Nguyễn Văn T2 (cha ruột của L2), Phạm Thanh P (chồng của L2), Nguyễn Quốc V (anh ruột của L2), Nguyễn Thị Ngọc H (vợ của V) và Nguyễn Thị Hồng N1 (em ruột của L2) đến quán ăn B1 gặp X1 để giải quyết vấn đề số tiền Xuyến vay của L2 chưa trả. Đến khoảng 18 giờ 10 phút cùng ngày 14/01/2024, L2 cùng những người nêu trên đến quán Vườn D1 gặp X1 đang uống bia cùng với Lê Trọng N6. L2 và những người nói trên đi vào chòi số 9 và nói chuyện cùng X1 để giải quyết vấn đề tiền vay, mượn. Trong lúc nói chuyện L2 dùng điện thoại phát trực tiếp lên mạng xã hội Facebook, để làm bằng chứng. Lúc này, Nguyễn Thị Tú T cùng với Văn Công T1 (chồng cũ của T) và Nguyễn Hoài N (bạn của T1) cũng đến quán Vườn D1 để gặp X1, T đi vào chòi số 9 và ngồi nghe nhóm người của L2 và X1 nói chuyện với nhau, N và T1 đứng bên ngoài đợi. Khoảng 10 phút sau, giữa T và X1 xảy ra cự cãi nhau về việc X1 thiếu nợ tiền của T và hai bên xảy ra đánh nhau, sau đó được mọi người can ngăn. Lúc này, T kêu X1 về Công an xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cùng với T để giải quyết mâu thuẫn, nhưng X1 không đồng ý nên T dùng tay trái nắm tóc và cổ áo khoát của X1 kéo X1 đi ra trước sân của quán B1 rồi T dùng tay phải đánh vào mặt của X1 khoảng 02 cái, tiếp tục nắm tóc và cổ áo khoát của X1 kéo ra cửa quán. Lúc này, N điều khiển xe mô tô biển số 62P1-167.89 đậu ở cửa quán để đợi chờ X1 về Công an xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, T kéo X1 đi đến vị trí xe mô tô biển số 62P1-167.89, trong lúc T đang kéo Xuyến thì N1 cầm 01 cái nón bảo hiểm trên tay phải đánh 01 cái trúng vào vùng mặt bên trái của X1. Khi đến vị trí xe mô tô, X1 cởi áo khoát của mình ra nhằm chạy thoát thân, thấy vậy N1 tiến đến nắm áo khoát của X1 lại, kéo X1 đi phụ T, H cũng tiến đến dùng 02 tay giữ X1 lại, không cho X1 chạy thoát. Sau đó, T yêu cầu X1 lên xe mô tô cho N chở, X1 làm theo. Khi X1 vừa lên xe mô tô thì H cởi áo khoát của X1 ra để dùng áo khoác trói hai tay của X1 lại nhưng không trói được. Lúc này, T kêu T1 ngồi lên phía sau X1, giữ X1 lại nhằm mục đích không cho X1 nhảy xuống xe bỏ chạy, T1 đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô chở X1 ngồi giữa, T1 ngồi sau cùng dùng hai tay giữ X1 đi về hướng Công an xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. T điều khiển xe mô tô của T chở L2 đi theo phía sau, những người khác cũng cùng đi đến Công an xã M. Toàn bộ diễn biến vụ việc này được L2 dùng điện thoại di động phát trực tiếp lên mạng xã hội Facebook.

Khi N chở X1 và T1 qua ngã 3 Tua 1 được một đoạn, cách nơi ban đầu khoảng 06km thì X1 thỏa thuận với T1 và N, yêu cầu đi đến địa điểm khác để giải quyết mâu thuẫn. T điều khiển xe mô tô chở L2 chạy song song với xe do N điều khiển và thỏa thuận với X1 đi về nhà của T để giải quyết, X1 đồng ý, nên N chở X1 và T1 về nhà của T tại ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Khi đến nhà của T, X1 thỏa thuận với T, thừa nhận có mượn tiền của T và tự nguyện viết giấy mượn T số tiền 384.000.000 đồng, X1 lần tay và ký tên vào bên mượn tiền, T ký tên vào bên cho mượn tiền, còn L2, N và T1 ngồi đợi ở trước cửa nhà.

Sau khi viết giấy nhận tiền xong, X1 đồng ý, tự nguyện đi cùng với T1 và N đến Công an xã M để gặp và giải quyết việc vay mượn tiền giữa L2 và X1. N điều khiển xe chở X1 ngồi giữa, T1 ngồi sau chạy trước, T điều khiển xe chở L2 chạy

sau. Khi đi ra đầu hẻm cách nhà T khoảng 50 mét thì gặp Nguyễn Minh T3 (em ruột của X1) cùng với Lê An K đang đi tìm X1. Lúc này, giữa T3, K xảy ra đánh nhau với T1 và N, còn L2 thì giằng co với X1 dẫn đến Xuyên bị rơi điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh đen. Trong lúc 02 bên đang giằng co đánh nhau thì Nguyễn Minh X2 (em ruột của X1) cùng một số người không rõ nhân thân, lai lịch đến, thấy vậy T1, N, T và L2 bỏ chạy. Một lúc sau, T bị nhóm người của X2 tìm thấy đang trốn ở khu vực gần đó, T bị X2 dùng tay nắm cổ áo kéo ra ngoài đường, những người khác trong nhóm của X2, không xác định được là ai đánh nhiều cái vào người của T gây thương tích. Sau đó, Công an xã M đến mời những người có liên quan đến vụ đánh nhau về làm việc. Đến ngày 15/01/2024, Nguyễn Thị Kim X1 đến Công an thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An tố giác vụ việc.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 126/KLTTCT-TTPY ngày 06/5/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh L đối với Nguyễn Thị Kim X1, kết luận: “Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị Kim X1 tại thời điểm giám định là 00%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.”

Tại Kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 17/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Long An, kết luận: “01 miếng dán cường lực của điện thoại di động Iphone 12 Pro Max mặt trước, vỡ hoàn toàn không có khả năng khôi phục, trị giá 100.000 đồng; 01 kính mặt sau của điện thoại di động Iphone 12 Pro Max; vỡ hoàn toàn không có khả năng khôi phục, trị giá: 900.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 1.000.000 đồng.”

Tại cáo trạng số 91/CT-VKSĐH ngày 11-6-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Hoài N, Văn Công T1, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Hồng N1 về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2024/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Hoài N, Văn Công T1, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Hồng N1 phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T4 T 01 (một) năm tù, thời gian tù được tính từ ngày thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N1 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Văn Công T1 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, các bị cáo Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Hoài N, Văn Công T1, Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Hoài N, Văn Công T1, Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1 thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” là đúng, không oan. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Hoài N, Văn Công T1, Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1 trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Hoài N, Văn Công T1, Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1 có đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự, do đó cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo:

+ Bị cáo Nguyễn Thị Tú T có nộp đơn xem xét hiện có hoàn cảnh khó khăn, nuôi con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo T nhưng không chấp nhận cho bị cáo T được hưởng án treo.

+ Bị cáo T1 và bị cáo N là những người giúp sức tích cực cho bị cáo T đề

bắt và chở bị hại X1 đi theo yêu cầu của bị cáo T nên cần phải được xử lý nghiêm. Bị cáo T1 có cung cấp tình tiết gia đình có công với cách mạng và hoàn cảnh khó khăn chung cũng là những tình tiết giảm nhẹ được quy định theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo N kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới. Hơn nữa, mức hình phạt cấp sơ thẩm xem xét là tương xứng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T1 và bị cáo N.

+ Bị cáo N1 và bị cáo H4 cũng là những người giúp sức, dùng vũ lực và có hành vi lôi kéo bị hại X1 lên xe đề T1 và N chở đi. Các bị cáo kháng cáo có nộp bổ sung xác nhận hoàn cảnh khó khăn; H nuôi 02 con nhỏ (sinh 2014 và 2020); N1 có 01 con sinh năm 2011; xét thấy các bị cáo đều là người chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng nên việc không cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và mang tính phòng ngừa chung cho xã hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo N1 và bị cáo H được hưởng án treo.

+ Đối với hành vi của Nguyễn Thị L2, không bàn bạc và không tham gia nhưng có hành vi dùng điện thoại để quay và livestream trên mạng xã hội Facebook nhằm mục đích cho mọi người biết việc bị hại X1 bị nợ và bị bắt đi nhưng cấp sơ thẩm không xem xét là thiếu sót. Do đó, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ xem xét hành vi của Nguyễn Thị L2 theo quy định tại Điều 331 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Hoài N, Văn Công T1, Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1 kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 340 và 344 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 14/01/2024 tại quán ăn B1 thuộc Khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, Nguyễn Thị Tú T, Văn Công T1, Nguyễn Hoài N, Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1 do không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vấn đề vay mượn tiền với Nguyễn Thị Kim X1, nên T, T1, N, H và N1 có hành vi ép buộc, bắt X1 ra khỏi quán ăn B1 đưa lên xe mô tô biển số 62P1-167.89 nhằm mục đích chở đến

Công an xã M, huyện Đ, tỉnh Long An để tiếp tục giải quyết mâu thuẫn. Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển số 62P1-167.89 chở X1 ngồi giữa, T1 ngồi sau giữ X1 lại không cho X1 chạy thoát, N và T1 giữ X1 trên xe mô tô khoảng 10 phút, đưa đến khu vực ngã 3 Tọa 1 cách nơi ban đầu bắt X1 khoảng 06 km. Tại đây, X1 thỏa thuận và tự nguyện cùng T đi đến nhà của T tại ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An tiếp tục giải quyết mâu thuẫn. Đến ngày 15/01/2024, Nguyễn Thị Kim X1 đến Công an thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An tố cáo vụ việc. Như vậy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Hoài N, Văn Công T1, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Hồng N1 phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2024/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Hoài N, Văn Công T1, Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1 về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1, Điều 157 Bộ luật Hình sự là đúng tội, không oan.

[3] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[4.1] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Tú T là người khởi xướng và trực tiếp dùng vũ lực với bị hại cùng với các bị cáo N1 và H để đưa bị hại lên xe cho T1 và N chở đi theo ý chí của bị cáo T nên việc bị cáo T xin hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, bị cáo T có nộp đơn xem xét hiện có hoàn cảnh khó khăn, nuôi 03 người con, trong đó con nhỏ nhất mới sinh năm 2021. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo T.

[4.2] Đối với các bị cáo T1 và bị cáo N là những người giúp sức tích cực cho bị cáo T để bắt và chở bị hại X1 đi theo yêu cầu của bị cáo T, trong đó N là người điều khiển xe mô tô, còn T1 là người ngồi sau để giữ tay X1. Do đó, đối với bị cáo N và bị cáo T1 cũng cần phải được xử lý nghiêm. Bị cáo T1 có cung cấp tình tiết gia đình có công với cách mạng và hoàn cảnh khó khăn nhưng cũng là những tình tiết giảm nhẹ được quy định theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo N kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới. Hơn nữa, xét thấy đối với bị cáo N và bị cáo T1 thì mức hình phạt cấp sơ thẩm xem xét là tương xứng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T1 và bị cáo N.

[4.3] Đối với bị cáo N1 và bị cáo H cũng là những người giúp sức cho bị cáo T, dùng vũ lực và có hành vi lôi kéo bị hại X1 lên xe để T1 và N chở đi. Các bị cáo kháng cáo có nộp bổ sung xác nhận hoàn cảnh khó khăn; H nuôi 02 con nhỏ (sinh 2014 và 2020); N1 có 01 con sinh năm 2011; xét thấy các bị cáo đều là người chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng, có nơi cư trú rõ ràng nên việc không cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và mang tính phòng ngừa chung cho xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo N1 và bị cáo H được hưởng án treo cũng phù hợp tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018).

[5] Đối với hành vi của Nguyễn Thị Lua L3 người đến trước T để nói chuyện với X1 về nợ của X1 đối với L2. Lua không bàn bạc và không tham gia dùng vũ lực nhưng có hành vi dùng điện thoại để quay và livestream trên mạng xã hội Facebook từ lúc đòi nợ đến lúc bị hại X1 bị bắt đi. Lua cũng đi theo T và tiếp tục có hành vi dùng điện thoại để quay và livestream trên mạng xã hội Facebook nhằm mục đích cho mọi người biết việc bị hại X1 bị nợ và bị bắt đi nhưng cấp sơ thẩm không xem xét là thiếu sót. Do đó, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ xem xét hành vi của Nguyễn Thị L2 do có dấu hiệu của tội “Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân” theo quy định tại Điều 331 Bộ luật Hình sự.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Nguyễn Hoài N, Văn Công T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Các bị cáo Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1 đều không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Văn Công T1 và bị cáo Nguyễn Hoài N.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2024/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hoài N, Văn Công T1,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e, khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1 ; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2024/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Hoài N, Văn Công T1, Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1 phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 32, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tú T 09 (chín) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024.

Xử phạt bị cáo Văn Công T1 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 32, Điều 38, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 03/01/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N1 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 03/01/2025.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1 về Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo N6 phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo N6 phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các bị cáo Nguyễn Hoài N, Văn Công T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Thị Tú T, Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Hồng N1 đều không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Tòa án nhân dân huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQĐT Công an huyện;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh